

Bản án số: 51/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16/01/2026
V/v tranh chấp ly hôn

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tú.

Các Hôi thâm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Thanh
2. Bà Trần Thị Thanh Thủy

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trang -Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 4 – Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Lợi - Kiểm sát viên.

Từ ngày 31 tháng 12 năm 2025 đến ngày 16 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2025/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 787/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 594/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 45/2025/QĐST-DS ngày 31/12/2025; Thông báo mở lại phiên tòa số 03/2026/TB-TA ngày 12/01/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/7/1956; Căn cước công dân số 079056010227

Địa chỉ thường trú: Số 521/75E Cách Mạng Tháng Tám, phường H, Thành phố H (địa chỉ trước đây là 521/175E Cách Mạng Tháng Tám, Phường 13, Quận 10, Thành phố H).

Địa chỉ cư trú: 490/37/9 Hương Lộ 2, phường B, Thành phố H (địa chỉ trước đây là 490/37/9 Hương Lộ 2, phường B, quận T, Thành phố H).

2. *Bi đơn*: Bà Bùi Ngọc T, sinh ngày 25/02/1955; Căn cước số 089155013418.

Địa chỉ thường trú: 521/69E Cách Mạng Tháng Tám, phường H, Thành phố H (địa chỉ trước đây là 521/69E Cách Mạng Tháng Tám, Phường 13, Quận 10, Thành phố H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn - ông Nguyễn Ngọc H trình bày: Ông và bà T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Quận 10, Thành phố H cấp ngày 23/10/1981.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm sống, hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng ly thân không còn chung sống từ tháng 05/1992 đến nay, vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung đã thành niên tên Nguyễn Ngọc H Khanh, sinh ngày 17/9/1982 và Nguyễn Ngọc H Loan, sinh ngày 15/4/1986.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/Bị đơn - bà Bùi Ngọc T tại bản tự khai trình bày: bà và ông H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận 10, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hai bên không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng bà đã ly thân không còn chung sống từ khoảng tháng 05 năm 1992 đến nay, bà không còn tình cảm. Nay ông H yêu cầu ly hôn, bà đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung đã thành niên tên Nguyễn Ngọc H Khanh, sinh ngày 17/9/1982 và Nguyễn Ngọc H Loan, sinh ngày 15/4/1986.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H và bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố H trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký cũng như các đương sự đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án.

Ông H và bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo luật định.

Về nội dung: Xét tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà T đã trầm trọng, vợ chồng ly thân, không còn chung sống đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; đồng thời bà T cũng đồng ý ly hôn với ông H vì vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử cho ông H ly hôn với bà T.

Về con chung: 02 con chung đã thành niên và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T cùng khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Quận 10, Thành phố H cấp ngày 23/10/1981 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay ông H yêu cầu ly hôn là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn – bà T hiện đang cư trú tại phường H, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 -Thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của ông H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai xác định ông H trình bày : Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đã ly thân không còn chung sống với nhau từ tháng 05/1992 đến nay và bà T xác nhận đã ly thân từ tháng 05/1992, không còn tình cảm đúng như lời ông H trình bày ; bà T cũng đồng ý ly hôn với ông H.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông H, bà T trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống đã lâu, hai bên không thể hàn gắn giải quyết được mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy yêu cầu ly hôn của ông H đã thỏa mãn các quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cho ông H ly hôn với bà T.

Về con chung: Xét giấy khai sinh số 152/1982 ngày 05/10/1982 và giấy khai sinh số 082/1986 ngày 10/05/1986 do Ủy ban nhân dân Quận 10, Thành phố H cấp có cơ sở xác định ông H và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc H Khanh, sinh ngày 17/9/1982 và Nguyễn Ngọc H Loan, sinh ngày 15/4/1986, ông H và bà T khai hai con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T cùng khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 thì ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, khoản 1 và khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Ngọc H.

Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Ngọc H được ly hôn bà Bùi Ngọc T.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc H Khanh, sinh ngày 17/9/1982 và Nguyễn Ngọc H Loan, sinh ngày 15/4/1986 đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Bùi Ngọc T khai không có nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình:

Ông Nguyễn Ngọc H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về thời hạn kháng cáo: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Bùi Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV4-TP.HCM;
- Phòng THADS KV4-TP.HCM;
- UBND phường H;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Từ Thị Minh Tú